TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và ông Nguyễn Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2023/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị L - sinh năm 1985.
Nơi ĐKHKTT: Thôn 4, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Địa chỉ hiện nay: Thôn 1, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
- *Bị đơn:* Anh Trịnh Văn T - sinh năm 1978.
Địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Tại phiên tòa, có mặt: Chị L, vắng mặt: Anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày10 tháng 5 năm 2023, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phùng Thị L trình bày: Chị và anh Trịnh Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12 tháng 7 năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm, đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, anh T nghen tuông dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát. Anh T nhiều lần chửi bới, hành hung vợ. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, không thể sống chung với nhau được nữa. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 21/7/2023, không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị L xác định không còn tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Văn T

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Trịnh Thảo N sinh ngày 22/5/2008 và cháu Trịnh Văn D, sinh năm 02/6/2015. Từ ngày vợ chồng sống ly thân, hai cháu ở với chị L. Các cháu ngoan, khỏe mạnh, phát triển bình thường, được đi học đầy đủ, không bị đánh đập bạo hành. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị đang làm công nhân tại công ty giầy da ADIANA, địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, thu nhập bình quân là 6.000.000đ/ tháng. Ngoài thu nhập chính chị còn làm thêm nối mi, chăn nuôi thu nhập thêm khoảng 3.000.000đ/tháng. Chị có nơi ở, công việc ổn định và đi làm gần nhà nên có thời gian để chăm sóc các con. Chị không đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng vì công việc của anh T không ổn định, hay đi làm xa, thi thoảng mới về nhà, không đóng góp tiền cho chị nuôi con nên anh T không đảm bảo được các điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 05/6/2023 và các văn bản tố tụng, bị đơn là anh Trịnh Văn T trình bày và đề nghị: Anh và chị Phùng Thị L đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 7 năm 2007 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị L cặp bồ, anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị L vẫn không thay đổi, dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau, xô xát. Hai bên gia đình khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Trường hợp chị L vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Trịnh Thảo N, sinh ngày 22/5/2008 và cháu Trịnh Văn D, sinh năm 02/6/2015. Các cháu ngoan, khỏe mạnh, phát triển bình thường, được đi học đầy đủ, không bị đánh đập bạo hành. Anh có nguyện vọng nuôi 1 cháu, cháu nào cũng được, không ai nào phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh làm nghề nuôi ong thuê ở tỉnh Bắc Giang, thu nhập bình quân là 6.000.000đ/ tháng. Anh được hưởng chế độ mất sức lao động do bị tại nạn lao động mất 51% sức khỏe. Trường hợp được nuôi con anh sẽ nhờ mẹ đẻ của anh đang ở thôn 4 xã T chăm sóc trong thời gian anh đi làm.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Biên bản xác minh ngày 28/6/2023, đại diện chính quyền UBND xã T, huyện T cung cấp: Chị Phùng Thị L và anh Trịnh Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 12/7/2007 tại UBND xã T huyện T. Vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cải nhau. Chị L và anh Tcó 02 con chung là cháu Trịnh Thảo N, sinh ngày 22/5/2008 và cháu Trịnh Văn D, sinh năm 02/6/2015. Các cháu ngoan khỏe, được đi học đầy đủ, không bị đánh đập bạo hành. Chị L làm công nhân tại xã T, huyện

T. Anh T làm nghề tự do, thu nhập bao nhiêu địa phương không biết.
Chị L và anh T không vi phạm pháp luật.

4. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 56,81,82,83 LHNGĐ: Xử cho chị Phùng Thị L được ly hôn anh Trịnh Văn T. Về con chung giao cho chị Lý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Thảo N, sinh ngày 22/5/2008 và cháu Trịnh Văn D, sinh năm 02/6/2015. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản và công nợ các đương sự không yêu cầu nên không xét. Chị L phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị L khởi kiện xin ly hôn anh T cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa mở lần thứ hai, anh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Phùng Thị L và anh Trịnh Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19/2007 ngày 12 tháng 7 năm 2007 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, sống không có tình cảm, hay xô xát. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Tại phiên tòa, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh T không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng, trường hợp chị L cương quyết xin y hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn xử cho chị Phùng Thị L được ly hôn anh Trịnh Văn T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Thảo N, sinh ngày 22/5/2008 và cháu Trịnh Văn D, sinh năm 02/6/2015.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi con của các đương sự: Chị L và anh T đều có nguyện vọng nuôi con, đây là nguyện vọng chính đáng của các đương sự. Hiện nay, anh T đang làm việc tại Bắc Giang, thu nhập 6.000.000đ nhưng anh T không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh về thu nhập. Ngoài ra, anh T bị giảm sút về sức khỏe do tai nạn lao động và đang được hưởng chế độ trợ cấp mất sức lao động 1.192.000đ/tháng. Anh T làm nghề tự do, hay đi

làm xa, thi thoảng mới về nhà sẽ ảnh hưởng đến việc chăm sóc, nuôi dạy con cái.

Chị L có sức khỏe tốt, công việc và thu nhập ổn định, gần nhà. Chị L cung cấp được hợp đồng lao động và mức lương do công ty trả. Chị L là người trực tiếp chăm sóc các con từ nhỏ cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, một mình chị L nuôi dưỡng các con khỏe mạnh, được đi học đầy đủ, không bị đánh đập bạo hành. Điều đó chứng tỏ, chị L có điều kiện nuôi con tốt hơn anh T. Mặt khác, cháu N và cháu D đều có nguyện vọng ở với mẹ phù hợp với nguyện vọng được nuôi hai con của chị L. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho các cháu, giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 273 BLTTDS; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Phùng Thị L được ly hôn anh Trịnh Văn T.

2. Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung: Cháu Trịnh Thảo N, sinh ngày 22/5/2008 và cháu Trịnh Văn D, sinh năm 02/6/2015.

Giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trịnh Thảo N và cháu Trịnh Văn D cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Thảo không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2022/0000005 ngày 19/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị L đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND xã Thọ Vực;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu